

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 1090/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế khối tỉnh
theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ (đợt 1) năm 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế; số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ - Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3265/STC-HCSN&DN ngày 05/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ (đợt 1) năm 2022 đối với 09 công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị khối tỉnh với tổng kinh phí là 1.723,463 triệu đồng. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn cải cách tiền lương của tỉnh: 1.401,735 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí đơn vị chi trả: 321,728 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm Quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cấp phát kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện chính sách cho các đối tượng tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

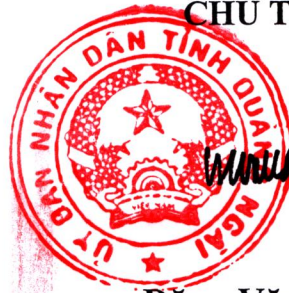
2. Các cơ quan, đơn vị có trong danh sách theo Phụ lục tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm chi trả chế độ đúng đối tượng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên trong danh sách tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, P.NC, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTH_{hoa254}.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

(Kèm theo Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Phụ lục

ĐVT: Nghìn đồng



TT	Đơn vị	Thời điểm tính gián biên ché	Tổng số	Kinh phí chi trả		Tổng số	Nguồn kinh phí chi trả		Ghi chú
				Trong đó	Trong đó		Trong đó	Trong đó	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(8)=(9)+(10)	(9)	(10)	(11)
I	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		1.723.463	1.431.221	292.242	1.723.463	321.728	1.401.735	
*	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh		292.242	-	292.242	292.242	22.260	269.982	
1	Ngô Đình Thành	01/02/2022	292.242	-	292.242	292.242	22.260	269.982	
II	Trường Đại học Phạm Văn Đồng		248.090	248.090	-	248.090	-	248.090	
2	Hồ Văn Cường	01/01/2022	248.090	248.090	-	248.090	-	248.090	
III	Sở Giáo dục và Đào tạo		372.536	372.536	-	372.536	-	372.536	
*	Trường THPT Bình Sơn		203.080	203.080	-	203.080	-	203.080	
3	Nguyễn Ngọc Hoanh	01/6/2022	203.080	203.080	-	203.080	-	203.080	
*	Trường THPT Số 1 Nghĩa Hành		169.456	169.456	-	169.456	-	169.456	
4	Lưu Thị Lan	01/6/2022	169.456	169.456	-	169.456	-	169.456	
IV	Sở Y tế		472.388	472.388	-	472.388	154.090	318.298	
*	Trung tâm y tế huyện Bình Sơn		170.033	170.033	-	170.033	-	170.033	
5	Nguyễn Văn Toàn	01/06/2022	170.033	170.033	-	170.033	-	170.033	
*	Trung tâm y tế huyện Ba Tơ		148.265	148.265	-	148.265	-	148.265	
6	Lương Hữu Anh	01/5/2022	148.265	148.265	-	148.265	-	148.265	
*	Bệnh viện đa khoa tỉnh		154.090	154.090	-	154.090	154.090	-	
7	Phan Văn Khải	01/01/2022	154.090	154.090	-	154.090	154.090	-	
V	Hội Chữ thập đỏ tỉnh		145.378	145.378	0	145.378	145.378	145.378	
8	Nguyễn Quang Hiếu	01/4/2022	145.378	145.378	0	145.378	145.378	145.378	
VI	Sở Nông nghiệp và PTNT		192.829	192.829	-	192.829	-	192.829	
	Ban quản lý rừng phòng hộ		192.829	192.829	-	192.829	-	192.829	
9	Nguyễn Trung Triết	01/01/2022	192.829	192.829	-	192.829	-	192.829	